HLB International

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4.	Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2008	7 - 10
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008	11
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008	12 - 13
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008	14 - 29
8.	Phụ lục	30

****

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (Công ty mẹ), Công ty TNHH Liên Thái Bình và Công ty Cổ phần Thương mại Pan (gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán.

Khái quát về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm:

- Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (Công ty mẹ) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003790 ngày 31 tháng 8 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Công ty TNHH Liên Thái Bình (Công ty con) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thái Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012231 ngày 31 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Công ty Cổ phần Thương mại Pan (Công ty con) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009618 ngày 12 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Năm 2007, Công ty đăng ký tăng vốn điều lệ lên 70 tỷ VND và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh chấp thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 số 4103003790 ngày 10 tháng 9 năm 2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 70 tỷ VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ	: 106/9B Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: 08.8. 3840 6868
Fax	: 08.8. 3514 6721
Email	: info@panpacific.com
Mã số thuế	: 0 3 0 1 4 7 2 7 0 4

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Tầng 3, số 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Thương mại, dịch vụ	100%
Công ty Cổ phần Thương mại Pan	106/9B Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ	80%

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình là:

- Mua bán quần áo.
- Đại lý ký gởi hàng hóa.
- Dịch vụ vệ sinh nhà cửa.
- Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp.
- Dịch vụ tin học: tư vấn, lắp đặt phần cứng, phần mềm máy tính.
- Dịch vụ thương mại.
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính).
- Đại lý phát hành sách báo có nội dung được phép lưu hành.
- Kinh doanh nhà.

- Hoạt động xử lý chất thải rắn, lỏng, khí thải công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).
- Dịch vụ sửa chữa nhà.
- Dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng.
- Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú.
- Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 30).

Trong năm, Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình chia cổ tức năm 2007 là 28.000.000.000 VND đồng thời phân phối lợi nhuận năm 2008 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại ngày 12 tháng 4 năm 2008 như sau:

– Trích quỹ đầu tư phát triển	1.312.492.926	VND
– Trích quỹ dự phòng tài chính	1.312.492.926	VND
– Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.812.484.840	VND
– Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	187.498.989	VND

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình đã tạm chia cổ tức năm 2008 là 10.500.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 10 tháng 11 năm 2008.

Công ty TNHH Liên Thái Bình trích quỹ dự phòng tài chính là 105.712.770 VND.

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Hà Thị Thanh Vân	Chủ tịch	17 tháng 10 năm 2006	-
Ông Nguyễn Văn Khải	Ủy viên	06 tháng 8 năm 2005	-
Ông Hoàng Đức Hòa	Ủy viên	17 tháng 10 năm 2006	-
Bà Lê Mai Hương	Ủy viên	05 tháng 5 năm 2007	-
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Ủy viên	12 tháng 4 năm 2008	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Quốc Sơn	Trưởng ban	31 tháng 8 năm 2005	-
Bà Vũ Thị Ngân	Thành viên	31 tháng 8 năm 2005	-
Bà Bùi Thanh Vân	Thành viên	05 tháng 5 năm 2007	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Khải	Tổng Giám đốc	31 tháng 8 năm 2005	-
Bà Hà Thị Thanh Vân	Phó Tổng Giám đốc	31 tháng 8 năm 2005	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

NGUYỄN VĂN KHẢI
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 4 năm 2009

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.auditconsult.com.vn

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 38272 300
Branch in Hanoi : 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City - Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 37367 869
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3875 327
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 3764 995 - Fax: (84-71) 3764 996

Số: 0413/2009/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2008
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (Bao gồm Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình, Công ty TNHH Liên Thái Bình và Công ty Cổ phần Thương mại Pan gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2009, từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Tập đoàn chưa lập dự phòng cho các khoản đầu tư vào chứng khoán ngắn hạn và dài hạn của các đơn vị chưa niêm yết có giá trị theo sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 lần lượt là 39.310.000.000 VND và 5.900.000.000 VND (xem thuyết minh V.14) do chưa có giá tham chiếu. Với những tài liệu và thông tin hiện có, chúng tôi cũng chưa thể xác định được sự cần thiết phải lập dự phòng cũng như số dự phòng cần phải trích lập cho các khoản đầu tư này.

Vấn đề chưa thống nhất

Tập đoàn chưa thực hiện lập đầy đủ dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán đã có giá tham chiếu trên thị trường. Theo ước tính của chúng tôi dựa vào giá chứng khoán niêm yết và giá chứng khoán chưa niêm yết được tham khảo trên thị trường tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, giá trị cần lập dự phòng do giá trên thị trường giảm so với giá trị sổ sách là 10.014.401.700 VND đối với các chứng khoán niêm yết và 31.468.000.000 VND đối với các chứng khoán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Tập đoàn mới chỉ trích lập dự phòng là 31.400.000.000 VND. Khoản dự phòng cần phải trích lập bổ sung là 10.082.401.700 VND.

Member of HLB international - A world-wide organization of professional accounting firms and business advisers

Ý kiến của Kiểm toán viên

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn hiện đang ghi nhận lợi nhuận sau thuế là 20.690.969.317 VND và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 10.090.931.327 VND. Tuy nhiên do ảnh hưởng của vấn đề chưa thống nhất nêu trên, nếu tiến hành điều chỉnh thì lợi nhuận sau thuế năm nay của Tập đoàn sẽ là 12.020.103.855 VND, lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ là 1.420.065.865 VND (sau khi đã chia cổ tức năm 2007 và trích lập các quỹ tại Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình, Công ty TNHH Liên Thái Bình năm 2008 và tạm ứng 15% cổ tức theo Nghị quyết số 02-11/2008/QĐ-HĐQT ngày 10 tháng 11 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình).

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của việc giới hạn phạm vi kiểm toán và vấn đề chưa thống nhất nêu trên đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất, các chỉ tiêu còn lại đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0954/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**179.558.517.449**	**272.273.838.072**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1**	**55.057.759.668**	**16.627.606.484**
1.	Tiền	111		9.857.759.668	16.627.606.484
2.	Các khoản tương đương tiền	112		45.200.000.000	-
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**97.993.257.800**	**234.177.687.700**
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	129.649.752.200	239.077.687.700
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(31.656.494.400)	(4.900.000.000)
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**19.777.374.102**	**13.771.139.720**
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	13.933.609.165	12.546.941.057
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	5.771.574.385	1.016.153.477
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	234.912.842	217.103.436
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(162.722.290)	(9.058.250)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**4.369.391.080**	**2.122.138.814**
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	4.369.391.080	2.122.138.814
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**2.360.734.799**	**5.575.265.354**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		79.859.724	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	1.400.133.374	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	880.741.701	5.575.265.354

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**33.825.007.173**	**27.054.002.240**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**-**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**14.344.453.239**	**8.045.614.732**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	6.222.595.007	3.206.936.675
	Nguyên giá	*222*		*10.377.074.392*	*6.358.696.038*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(4.154.479.385)*	*(3.151.759.363)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		5.494.605.976	4.781.673.843
	Nguyên giá	*225*		*8.456.288.816*	*6.286.895.279*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		*(2.961.682.840)*	*(1.505.221.436)*
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	35.578.031	31.692.214
	Nguyên giá	*228*		*63.821.789*	*42.256.288*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(28.243.758)*	*(10.564.074)*
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	2.591.674.225	25.312.000
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**		**-**	**-**
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**5.900.000.000**	**5.900.000.000**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	5.900.000.000	5.900.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	**Lợi thế thương mại**	**260**	**V.15**	**10.100.907.482**	**9.370.733.996**
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**270**		**3.479.646.452**	**3.737.653.512**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	271	V.16	2.283.537.732	2.773.046.963
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.17	174.106.893	-
3.	Tài sản dài hạn khác	273	V.18	1.022.001.827	964.606.549
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**213.383.524.622**	**299.327.840.312**

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**20.833.113.938**	**81.990.348.948**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**19.023.113.823**	**80.294.192.859**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	1.822.092.937	60.107.755.626
2.	Phải trả người bán	312	V.20	3.446.234.981	877.667.850
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.21	545.352.670	446.568.103
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	1.108.652.715	9.818.222.500
5.	Phải trả người lao động	315	V.23	11.138.002.065	8.572.121.943
6.	Chi phí phải trả	316		258.351.385	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	704.427.070	471.856.837
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**1.810.000.115**	**1.696.156.089**
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.25	1.027.572.282	1.696.156.089
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.26	4.274.933	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	778.152.900	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**192.089.228.442**	**215.837.004.650**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**184.005.144.050**	**205.950.119.832**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	70.000.000.000	70.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	96.000.000.000	96.000.000.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	3.956.132.933	2.643.640.007
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	3.958.079.790	2.539.874.094
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	10.090.931.327	34.766.605.731
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**8.084.084.392**	**9.886.884.818**
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.29	8.084.084.392	9.886.884.818
2.	Nguồn kinh phí	432		-	-
3.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C-	**LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**	**439**		**461.182.242**	**1.500.486.714**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**213.383.524.622**	**299.327.840.312**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		200,00	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2009

TRƯƠNG THỊ ĐÔNG HÀ
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN KHẢI
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01	VI.1	126.428.617.709	95.958.953.680
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	02	VI.1	530.184.411	385.958.227
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10	VI.1	125.898.433.298	95.572.995.453
4.	**Giá vốn hàng bán**	11	VI.2	100.144.001.308	72.630.667.415
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		25.754.431.990	22.942.328.038
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	21	VI.3	42.878.355.375	58.940.428.595
7.	**Chi phí tài chính**	22	VI.4	30.418.025.182	11.483.343.966
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.814.353.066	4.515.901.606
8.	**Chi phí bán hàng**	24	VI.5	753.105.418	981.901.899
9.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	25	VI.6	15.425.903.658	9.389.105.033
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		22.035.753.107	60.028.405.735
11.	**Thu nhập khác**	31	VI.7	2.085.952.875	1.335.154.580
12.	**Chi phí khác**	32	VI.8	260.809.840	1.294.241.554
13.	**Lợi nhuận khác**	40		1.825.143.035	40.913.026
14.	**Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh**	41		-	-
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	50		23.860.896.142	60.069.318.761
16.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	51	V.22	3.339.758.785	9.177.732.195
17.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	52	VI.9	(169.831.960)	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	60		20.690.969.317	50.891.586.566
	18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	*61*		*335.961.270*	*626.428.192*
	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	*62*		*20.355.008.047*	*50.265.158.374*
19.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70	VI.10	2.908	10.508

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

TRƯƠNG THỊ ĐÔNG HÀ
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN KHẢI
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***23.860.896.142***	***60.069.318.761***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		3.621.461.882	3.155.248.467
-	Các khoản dự phòng	03		26.910.158.440	4.909.058.250
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		99.806.498	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.389.053.300)	(56.478.482.969)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.3	2.814.353.066	4.515.901.606
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***40.917.622.728***	***16.171.044.115***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		100.693.331.836	(6.739.365.424)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.247.252.266)	(790.712.006)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		9.987.856.121	4.432.302.559
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		489.509.231	(678.781.778)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(2.814.353.066)	(4.515.846.108)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(12.885.674.548)	(8.903.532.117)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6.067.000.000	7.983.387.050
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.609.584.255)	(14.003.495.817)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***133.598.455.781***	***(7.044.999.526)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.826.991.678)	(1.309.377.458)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.021.367.274
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.650.040.000)	(322.576.150.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	160.119.378.643
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.376.364.411	112.000.000
					-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***3.899.332.733***	***(162.632.781.541)***

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	96.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	221.631.086.457
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(58.601.741.300)	(163.526.305.975)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	V.19	(1.965.894.030)	(2.372.100.511)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(38.500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(99.067.635.330)***	***151.732.679.971***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**38.430.153.184**	**(17.945.101.096)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**16.627.606.484**	**34.572.707.580**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**55.057.759.668**	**16.627.606.484**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2009

TRƯƠNG THỊ ĐÔNG HÀ
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN KHẢI
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2008

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình, Công ty TNHH Liên Thái Bình và Công ty Cổ phần Thương mại Pan (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Mua bán quần áo; Đại lý ký gởi hàng hóa; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Dịch vụ tin học: tư vấn, lắp đặt phần cứng, phần mềm máy tính; Dịch vụ thương mại; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Đại lý phát hành sách báo có nội dung được phép lưu hành; Kinh doanh nhà; Hoạt động xử lý chất thải rắn, lỏng, khí thải công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ sửa chữa nhà; Dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ.

4. Tổng số các công ty con : 2

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Quyền biểu quyết*
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Tầng 3, số 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần Thương mại Pan	106/9B Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	80%	80%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài được công bố tại thuyết minh số IV.6.

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 5 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty của Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm do có chứng khoán được niêm yết lần đầu tại trung tâm giao dịch chứng khoán kể từ năm 2007 theo Công văn trả lời số 656/CT-TTHT ngày 17 tháng 01 năm 2007 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2008, Công ty TNHH Liên Thái Bình được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho lợi nhuận quý IV/2008 theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 về việc hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	256.175.081	1.141.753.477
Tiền gửi ngân hàng	9.601.584.587	15.485.853.007
Các khoản tương đương tiền	45.200.000.000	-
Cộng	**55.057.759.668**	**16.627.606.484**

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	125.049.752.200	238.077.687.700
Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	4.600.000.000	1.000.000.000
Cộng	**129.649.752.200**	**239.077.687.700**

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	29.656.494.400	4.900.000.000
Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	2.000.000.000	-
Cộng	**31.656.494.400**	**4.900.000.000**

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình	9.595.531.395	9.485.156.602
Tại Công ty Cổ phần Liên Thái Bình	3.751.072.930	3.061.784.455
Tại Công ty Cổ phần Thương mại Pan	587.004.840	-
Cộng	**13.933.609.165**	**12.546.941.057**

5. Trả trước người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình	5.633.399.674	975.503.552
Tại Công ty Cổ phần Liên Thái Bình	37.526.840	40.649.925
Tại Công ty Cổ phần Thương mại Pan	100.647.871	-
Cộng	**5.771.574.385**	**1.016.153.477**

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng tài sản cố định thuê tài chính	118.934.007	95.013.909
Các khoản phải thu khác	115.978.835	122.089.527
Cộng	**234.912.842**	**217.103.436**

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	114.838.000	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	9.058.250
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	12.681.550	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	35.202.740	-
Cộng	**162.722.290**	**9.058.250**

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	498.381.304	467.208.263
Nguyên liệu, vật liệu	2.135.577.960	1.515.288.625
Công cụ, dụng cụ	77.190.566	139.641.926
Hàng hóa	1.658.241.250	-
Cộng	**4.369.391.080**	**2.122.138.814**

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	715.741.701	550.265.354
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	165.000.000	5.025.000.000
Cộng	**880.741.701**	**5.575.265.354**

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	2.097.897.854	3.972.761.149	288.037.035	6.358.696.038
Mua sắm mới	997.230.595	2.693.961.662	257.781.180	69.404.917	4.018.378.354
Số cuối năm	**997.230.595**	**4.791.859.516**	**4.230.542.329**	**357.441.952**	**10.377.074.392**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	553.494.398	-	307.021.500	860.515.898
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	1.383.700.774	1.607.172.291	160.886.298	3.151.759.363
Khấu hao trong năm	93.823.529	284.724.937	541.760.874	82.410.682	1.002.720.022
Số cuối năm	**93.823.529**	**1.668.425.711**	**2.148.933.165**	**243.296.980**	**4.154.479.385**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	714.197.080	2.365.588.858	127.150.737	3.206.936.675
Số cuối năm	**903.407.066**	**3.123.433.805**	**2.081.609.164**	**114.144.972**	**6.222.595.007**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.016.289.360 VND và 838.438.722 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu năm	6.286.895.279
Thuê tài chính trong năm	2.133.659.537
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận	35.734.000
Số cuối năm	**8.456.288.816**
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.505.221.436
Khấu hao trong năm	1.456.461.404
Số cuối năm	**2.961.682.840**
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.781.673.843
Số cuối năm	**5.494.605.976**

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	42.256.288
Mua sắm mới	21.565.501
Số cuối năm	**63.821.789**
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	10.564.074
Khấu hao trong năm	17.679.684
Số cuối năm	**28.243.758**
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	31.692.214
Số cuối năm	**35.578.031**

14. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư cổ phiếu của các công ty sau:

	Mệnh giá	Số lượng	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản chứng khoán Sài Gòn	10.000	500.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Sao biển	10.000	90.000	900.000.000
Cộng			**5.900.000.000**

15. Lợi thế thương mại

Khoản chênh lệch giữa giá mua với giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty TNHH Liên Thái Bình (công ty con). Công ty cho rằng giá trị sổ sách tại các ngày mua là giá trị hợp lý. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	2.482.798.959	1.516.582.774	(1.914.659.323)	2.084.722.410
Chi phí trả trước dài hạn khác	290.248.004	117.587.900	(209.020.582)	198.815.322
Cộng	**2.773.046.963**	**1.634.170.674**	**(2.123.679.905)**	**2.283.537.732**

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

18. Tài sản dài hạn khác

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	58.000.000.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	-	*28.000.000.000*
- Vay Công ty Tài chính Dầu khí	-	*30.000.000.000*
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)	211.341.300	594.441.300
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)	1.610.751.637	1.513.314.326
Cộng	**1.822.092.937**	**60.107.755.626**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	58.000.000.000	-	-	(58.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	594.441.300	-	218.641.300	(601.741.300)	211.341.300
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.513.314.326	11.193.584	1.998.490.740	(1.912.247.013)	1.610.751.637
Cộng	**60.107.755.626**	**11.193.584**	**2.217.132.040**	**(60.513.988.313)**	**1.822.092.937**

20. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình	1.938.630.233	691.477.486
Tại Công ty Cổ phần Liên Thái Bình	279.133.242	186.190.364
Tại Công ty Cổ phần Thương mại Pan	1.228.471.506	-
Cộng	**3.446.234.981**	**877.667.850**

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình	544.351.810	445.856.243
Tại Công ty Cổ phần Liên Thái Bình	1.000.860	711.860
Cộng	**545.352.670**	**446.568.103**

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.551.969.781	9.734.489.725	(10.387.506.486)	898.953.020
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	242.494.873	(242.494.873)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	82.443.700	(82.443.700)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	8.145.782.389	3.339.758.785	(12.885.674.548)	(1.400.133.374)
Thuế thu nhập cá nhân	110.364.917	613.435.178	(525.571.604)	198.228.491
Các loại thuế khác	10.105.413	22.090.167	(20.724.376)	11.471.204
Cộng	**9.818.222.500**	**14.034.712.428**	**(24.144.415.587)**	**(291.480.659)**

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình	2.074.743.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty Cổ phần Liên Thái Bình	1.265.014.978
Cộng	**3.339.758.785**

23. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 và tháng 13 phải trả cho nhân viên.

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	462.293.236	10.707.937
Kinh phí công đoàn	66.630.279	182.500.600
Các khoản phải trả khác	175.503.555	278.648.300
Cộng	**704.427.070**	**471.856.837**

25. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	52.835.325	271.476.625
Ngân hàng VID Public – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	*7.300.000*
Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	*52.835.325*	*264.176.625*
Nợ dài hạn	974.736.957	1.424.679.464
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	*790.122.300*	*1.047.146.084*
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	*184.614.657*	*377.533.380*
Cộng	**1.027.572.282**	**1.696.156.089**

Khoản vay Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số VNMPF070642CAR/239102 ngày 29 tháng 3 năm 2007 để để mua xe ô tô Camry 3.5Q 2007. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp chính tài sản mua.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	264.176.625	211.341.300	52.835.325	-
Thuê tài chính	2.585.488.594	1.610.751.637	974.736.957	-
Cộng	**2.849.665.219**	**1.822.092.937**	**1.027.572.282**	**-**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng khác	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	271.476.625	-	-	(218.641.300)	-	-	52.835.325
Ngân hàng VID Public – Chi nhánh Hồ Chí Minh	*7.300.000*	-	-	*(7.300.000)*	-	-	-

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng khác	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Ngân hàng HSBC – Chi nhánh Hồ Chí Minh	*264.176.625*	-	-	*(211.341.300)*	-	-	*52.835.325*
Thuê tài chính	1.424.679.464	2.135.159.489	84.143.761	(1.998.490.740)	(53.647.017)	(617.108.000)	974.736.957
Công ty Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	*1.047.146.084*	*1.868.658.239*	*84.143.761*	*(1.592.717.784)*	-	*(617.108.000)*	*790.122.300*
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	*377.533.380*	*266.501.250*	-	*(405.772.956)*	*(53.647.017)*	-	*184.614.657*
Cộng	**1.696.156.089**	**2.135.159.489**	**84.143.761**	**(2.217.132.040)**	**(53.647.017)**	**(617.108.000)**	**1.027.572.282**

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	-
Số trích lập trong năm	778.152.900
Số cuối năm	**778.152.900**

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	28.000.000.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	10.500.000.000
Cộng	**38.500.000.000**

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	7.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*7.000.000*	*7.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	7.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*7.000.000*	*7.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính
Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	9.886.884.818
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	3.799.983.829
Tăng khác	200.000.000
Chi quỹ trong năm	(5.802.784.255)
Số cuối năm	**8.084.084.392**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm là doanh thu của dịch vụ vệ sinh. Các khoản giảm trừ là hàng bán bị trả lại.

2. Giá vốn hàng bán
Giá vốn hàng bán trong năm là giá vốn của dịch vụ vệ sinh đã cung cấp.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.137.797.300	61.560.160
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	635.994.098	238.102.702
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.197.960.000	112.000.000
Lãi hoạt động đầu tư tài chính	25.906.580.461	58.528.240.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.516	525.733
Cộng	**42.878.355.375**	**58.940.428.595**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.696.060.900	4.446.991.535
Chi phí lãi thuê tài chính	118.292.166	68.854.573
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	99.806.498	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	97.801.755	4.611.501
Chi phí hoạt động đầu tư tài chính	649.569.463	2.062.886.357
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	26.756.494.400	4.900.000.000
Cộng	**30.418.025.182**	**11.483.343.966**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	124.904.731	123.546.737
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	9.859.234	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.109.084	4.678.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	521.645.729	304.202.505
Chi phí bằng tiền khác	89.586.640	549.474.475
Cộng	**753.105.418**	**981.901.899**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.540.307.077	3.739.965.597
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	517.552.799	423.921.415
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.184.668.790	865.624.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.818.558.031	2.452.469.818
Phân bổ lợi thế thương mại	1.144.600.772	1.113.354.534
Chi phí khác	1.220.216.189	793.768.822
Cộng	**15.425.903.658**	**9.389.105.033**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.021.367.274
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.000.000.000	-
Các khoản khác	85.952.875	313.787.306
Cộng	**2.085.952.875**	**1.335.154.580**

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	1.120.237.948
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	52.823.423
Các khoản khác	260.809.840	121.180.183
Cộng	**260.809.840**	**1.294.241.554**

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	174.106.893	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(4.274.933)	-
Cộng	**169.831.960**	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.690.969.317	50.891.586.566
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(335.961.270)	(626.428.192)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.355.008.047	50.265.158.374
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.000.000	4.783.333
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.908**	**10.508**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.000.000	3.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	1.583.333
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**7.000.000**	**4.783.333**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	1.410.539.550	1.198.375.922
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	2.146.353.073	3.072.085.161
Cộng	**3.556.892.623**	**3.602.058.745**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.345.013.773	926.221.615
Tiền thưởng	139.546.200	187.837.136
Cộng	**2.484.559.973**	**1.114.058.751**

2. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	860.400.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	3.302.100.000	-
Trên 5 năm	4.435.200.000	-
Cộng	**8.597.700.000**	-

3. Số liệu so sánh

Trong năm, Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố việc phân bổ lợi thế thương mại. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Tài sản dài hạn	200	28.816.813.586	27.054.002.240
Lợi thế thương mại	260	11.133.545.342	9.370.733.996
Tổng cộng tài sản	280	301.090.651.658	299.327.840.312
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	217.599.815.996	215.837.004.650
Vốn chủ sở hữu	410	207.712.931.178	205.950.119.832
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	36.529.417.077	34.766.605.731
Tổng cộng nguồn vốn	440	301.090.651.658	299.327.840.312
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.275.750.499	9.389.105.033
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	61.141.760.269	60.028.405.735
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	61.182.673.295	60.069.318.761
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	52.004.941.100	50.891.586.566
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	51.378.512.908	50.265.158.374
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	10.741	10.508
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất			
Lợi nhuận trước thuế	01	61.182.673.295	60.069.318.761
Khấu hao tài sản cố định	02	2.041.893.933	3.155.248.467

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2009

TRƯƠNG THỊ ĐÔNG HÀ	**NGUYỄN VĂN KHẢI**
Kế toán trưởng	**Tổng Giám đốc**

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	32.000.000.000	22.000.000.000	-	-	17.031.521.485	71.031.521.485
Tăng vốn từ lợi nhuận	16.000.000.000	-	-	-	(16.000.000.000)	-
Phát hành cổ phiếu	22.000.000.000	74.000.000.000	-	-	-	96.000.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	50.265.158.374	50.265.158.374
Trích các quỹ năm trước	-	-	2.643.640.007	2.539.874.094	(16.530.074.128)	(11.346.560.027)
Số dư cuối năm trước	**70.000.000.000**	**96.000.000.000**	**2.643.640.007**	**2.539.874.094**	**34.766.605.731**	**205.950.119.832**
Số dư đầu năm nay	70.000.000.000	96.000.000.000	2.643.640.007	2.539.874.094	34.766.605.731	205.950.119.832
Mua lại			-	-	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	20.355.008.047	20.355.008.047
Trích các quỹ năm nay	-	-	1.312.492.926	1.418.205.696	(6.530.682.451)	(3.799.983.829)
Chi cổ tức năm nay	-	-	-	-	(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
Số dư cuối năm nay	**70.000.000.000**	**96.000.000.000**	**3.956.132.933**	**3.958.079.790**	**10.090.931.327**	**184.005.144.050**
	-	-	-	-		

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2009

TRƯƠNG THỊ ĐÔNG HÀ
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN KHẢI
Tổng Giám đốc